

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2023/DS-PT
Ngày: 20-11-2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng Dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 288/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 227/2023/QĐ-PT ngày 15/11/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Thế T, sinh năm: 1982; bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1987; cư trú tại thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Doãn Xuân P, sinh năm: 1959; bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1960; cư trú tại thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 28/3/2023, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của vợ chồng ông

Nguyễn Thế T, bà Đoàn Thị H thì: Vào ngày 20/7/2022 vợ chồng ông T, bà H có cho ông P vay số tiền 350.000.000đ để trả nợ Ngân hàng N, Chi nhánh huyện B - Phòng G để tránh việc phát mãi nhà. Khoản nợ này vợ chồng ông P, bà L cùng vay nhưng ông P là người đứng ra viết giấy vay nợ và hẹn 04 tháng sau sẽ trả hết, lãi thỏa thuận theo lãi suất của ngân hàng. Sau đó, vợ chồng ông P, bà L không trả cả gốc và lãi. Vì vậy nay vợ chồng ông, bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng ông P, bà L phải trả số tiền gốc là 350.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm.

- Ông Doãn Xuân P thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông T, bà H; mục đích là trả khoản nợ vay chung của ông và bà L tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện B - Phòng G để tránh bị phát mãi nhà. Nay ông đồng ý trả tiền gốc 350.000.000đ và tiền lãi phát sinh cho vợ chồng ông T, bà H.

- Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị L thì: Vào khoảng tháng 7/2022 vợ chồng ông, bà có vay vốn và còn dư nợ tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện B - Phòng G với số tiền 340.000.000đ. Việc ông P đứng ra vay của vợ chồng ông T, bà H số tiền 350.000.000đ và sử dụng vào mục đích gì thì bản thân bà không biết. Nay vợ chồng ông T, bà P khởi kiện thì bà chỉ đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền gốc, không đồng ý trả lãi suất và xin trả dần theo tháng, mỗi tháng trả 2.000.000đ.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 30/2023/DS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023; Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Thế T, bà Đoàn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản” đối với vợ chồng ông Doãn Xuân P, bà Nguyễn Thị Len .

Buộc vợ chồng ông Doãn Xuân P, bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền 388.733.000đ (trong đó: số tiền gốc là 350.000.000đ và tiền lãi là: 38.733.000đ) cho vợ chồng ông Nguyễn Thế T, bà Đoàn Thị H.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 06/9/2023 bà Nguyễn Thị L kháng cáo không đồng ý trả số tiền 350.000.000đ cho vợ chồng ông T, bà H vì đây là nợ riêng của ông P; không đồng ý trả tiền lãi 38.733.000đ và cách tính lãi của Toà án cấp sơ thẩm; không đồng ý trả một lần tiền cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Vợ chồng ông Nguyễn Thế T, bà Đoàn Thị H xác định yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu vợ chồng ông P, bà L phải trả nợ chung với số nợ gốc là 340.000.000đ

và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm; yêu cầu ông P phải trả 10.000.000đ tiền gốc và không yêu cầu trả lãi. Ông P đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông T, bà H và ông P tại phiên tòa; sửa Bản án sơ thẩm; cụ thể: buộc vợ chồng ông P, bà L phải trả nợ chung với số tiền nợ gốc là 340.000.000đ và lãi suất theo quy định, buộc ông P phải trả cho nguyên đơn 10.000.000đ tiền gốc còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng ông Nguyễn Thế T, bà Đoàn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Doãn Xuân P, bà Nguyễn Thị L phải trả số tiền gốc là 350.000.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm. Bà L không đồng ý cùng có trách nhiệm với ông P trả số tiền nói trên cho nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp.

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản*” là có căn cứ.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Việc vợ chồng ông Nguyễn Thế T, bà Đoàn Thị H cho ông Doãn Xuân P vay số tiền 350.000.000đ theo “Giấy vay tiền” ghi ngày 20/7/2022 là có xảy ra trên thực tế và được các bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, bà L cho rằng số tiền nói trên là khoản nợ riêng của ông P nên không đồng ý trả cho vợ chồng ông T, bà H.

Xét thấy, tại Biên bản làm việc với khách hàng ghi ngày 18/7/2022 giữa người đại diện Ngân hàng N, Chi nhánh huyện B - Phòng G với vợ chồng ông P, bà L thể hiện tính đến ngày 18/7/2022 thì vợ chồng ông P, bà L còn số dư nợ gốc là 340.000.000đ; bị đơn đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản, nhưng sau đó thì bà L trình bày không thấy Ngân hàng phát mãi tài sản của mình. Điều này phù hợp với việc vào ngày 20/7/2022 ông P đã vay số tiền 350.000.000đ từ vợ chồng ông T, bà H để trả nợ vào Ngân hàng; theo “Chứng từ giao dịch” ngày 20/7/2022 của Ngân hàng N, Chi nhánh huyện B - Phòng G thì khoản nợ của vợ chồng ông P, bà L đối với Ngân hàng đã được trả xong (bút lục số 06).

Như vậy, tuy tại “Giấy vay tiền” ghi ngày 20/7/2022 được ông P thừa nhận thì chỉ có chữ ký của ông P nhưng qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì việc ông P vay số tiền này là để trả cho khoản nợ chung của vợ chồng ông P, bà L tại Ngân hàng. Do đó, việc bà L cho rằng đây là nợ riêng của ông P, ông P vay tiền của vợ chồng ông T, bà H để sử dụng vào mục đích gì thì bà không biết là không

phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, tại phiên tòa sơ thẩm bà L cũng đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền gốc; không đồng ý trả lãi nên mặc nhiên thừa nhận có nợ số tiền trên cùng với ông P.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P, bà L phải trả số tiền 350.000.000đ cho vợ chồng ông T, bà H và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu vợ chồng ông P, bà L phải trả nợ chung với số tiền nợ gốc là 340.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm; yêu cầu ông P phải trả 10.000.000đ tiền gốc còn lại và không yêu cầu tính lãi. Ông P đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần ghi nhận.

Như vậy số tiền lãi vợ chồng ông P, bà L phải chịu được tính như sau:

$340.000.000\text{đ} \times 10\%/năm \times 13 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 37.777.700\text{đ}$ (làm tròn).

Tổng cộng tiền gốc và lãi bị đơn phải trả là 377.777.700đ.

Số tiền ông P phải trả cho nguyên đơn là 10.000.000đ.

[3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà L; sửa Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên vợ chồng ông T, bà H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông P, bà L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho vợ chồng ông T, bà H. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông P, sinh năm 1959; bà L, sinh năm: 1960, đến thời điểm xét xử là người cao tuổi theo quy định tại khoản 2 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 và có đơn xin miễn án phí; căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông P, bà L và miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho bà L là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Thế T, bà Đoàn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng Dân sự vay tài sản” đối với vợ chồng ông Doãn Xuân P, bà Nguyễn Thị Len .

Buộc vợ chồng ông Doãn Xuân P, bà Nguyễn Thị L phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thế T, bà Đoàn Thị Hằng s tiền 377.777.700đ (ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm đồng) {trong đó tiền gốc là 340.000.000đ (ba trăm bốn mươi triệu đồng); tiền lãi là: 37.777.700đ (ba mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm đồng)}.

Buộc ông Doãn Xuân P phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thế T, bà Đoàn Thị Hằng s tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Vợ chồng ông Nguyễn Thế T, bà Đoàn Thị H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Vợ chồng ông T, bà H được nhận lại số tiền 9.625.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0012769 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Doãn Xuân P, bà Nguyễn Thị Len .

- Án phí phúc thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Len .

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV &THA (01);
- TAND huyện Bảo Lâm (01);
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Châu Thạch